

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN**
Số: 78/2008/QĐ-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp Việt Nam đến năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 3 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ (số 21/2000/QH10 ngày 09/6/2000) của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020 được phê duyệt theo Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp Việt Nam đến năm 2020 với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hiện trạng nghiên cứu lâm nghiệp Việt Nam

a) Thành tựu

Trong thời gian qua, nghiên cứu khoa học lâm nghiệp đã đóng góp ngày càng nhiều và có hiệu quả vào sự phát triển của ngành lâm nghiệp nói riêng, sự phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn nói chung. Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ, kể cả công nghệ nhập được tăng cường, góp phần rút ngắn thời gian nghiên cứu và phục vụ có hiệu quả cho sản xuất. Số công trình được áp dụng vào sản xuất tăng từ 27% giai đoạn 1976-1990 lên 41% giai đoạn 1991-1995, 53% giai đoạn 1996-2000 và 56% giai đoạn 2001-2004.

Số đơn vị tham gia nghiên cứu ngày càng tăng, đầu tư cho nghiên cứu được cải thiện, mức đầu tư tăng, nguồn vốn phong phú hơn; ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước cho nghiên cứu khoa học, các dự án hợp tác quốc tế: Các dự án bảo vệ và phát triển rừng do nước ngoài tài trợ, chương trình PAM và một số chương trình quốc gia cũng đóng góp đáng kể cho nghiên cứu khoa học lâm nghiệp như: 327, 661, ...

Trong một số lĩnh vực mũi nhọn như chọn tạo giống, nhân giống ... thành tựu nghiên cứu của Việt Nam đã đạt được trình độ của các nước trong khu vực và một số nước tiên tiến. Kết quả nghiên cứu đã được áp dụng rộng rãi trong thực tiễn sản xuất. Nhiều giống quốc gia, giống tiến bộ kỹ thuật đối với Bạch đàn, Keo, Phi lao... có năng suất cao và khả năng chống chịu đã được công nhận. Công nghệ mô hom đã trở thành kỹ thuật khá phổ biến để tạo cây con hàng loạt có chất lượng đồng đều.

Những thành tựu đạt được trên một số lĩnh vực cụ thể:

- Phân loại đất rừng, đánh giá về tiềm năng và độ thích hợp của đất đối với một số loài cây trồng rừng chủ yếu, phân hạng đất, phân chia lập địa.
- Phân loại thảm thực vật rừng Việt Nam, xác định đặc điểm chủ yếu các hệ sinh thái rừng lá rộng thường xanh, rừng lá kim, rừng rụng lá, rừng trên núi đá vôi, rừng ngập mặn.
- Đánh giá đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng Việt Nam; các loài đặc hữu, quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng; đề xuất các phương thức bảo tồn và đã bảo tồn một số nguồn gen.
- Xây dựng cơ sở khoa học công nghệ để quản lý bền vững rừng tự nhiên.
- Xác định các loài cây trồng rừng trên đất trống đồi núi trọc; Cải thiện giống, nhân giống, kỹ thuật thâm canh rừng trồng đạt năng suất cao (Keo, Bạch đàn).
- Đề xuất công nghệ chế biến gỗ rừng trồng (sấy, chế độ xẻ, ván nhân tạo, băm dăm,...), bảo quản một số lâm sản.
- Xác định các tính chất cơ bản của gỗ làm cơ sở sử dụng và phân chia các nhóm gỗ.
- Dự báo thị trường lâm sản và đề xuất một số luận cứ để xây dựng chính sách lâm nghiệp làm động lực phát triển ngành.
- Ban hành hàng trăm tiêu chuẩn Nhà nước và tiêu chuẩn ngành, quy trình, quy phạm kỹ thuật.

b) Về những thiếu sót và tồn tại:

Một trong những tồn tại lớn trong nghiên cứu khoa học về lâm nghiệp là số các kết quả nghiên cứu được đưa vào sản xuất còn hạn chế và nghiên cứu chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của sản xuất. Nguyên nhân chủ yếu được xác định là:

- Công tác thông tin, dự báo phát triển ngành còn yếu và thiếu một chiến lược nghiên cứu khoa học công nghệ cho ngành, việc xác định phương hướng, mục tiêu nghiên cứu và lựa chọn các đề tài ưu tiên chưa chuẩn xác, hiệu quả nghiên cứu chưa cao, chưa gắn chặt với thực tiễn sản xuất và thị trường.

Còn nhiều khoảng trống trong nghiên cứu như: các nghiên cứu cơ bản để tạo ra giải pháp kỹ thuật và công nghệ mới; nghiên cứu quản lý tài nguyên rừng và đất rừng; nghiên cứu về tổ chức và quản lý nghề rừng; về thị trường lâm sản; về định giá rừng và các dịch vụ môi trường của rừng; nghiên cứu liên quan đến biến đổi khí hậu: các tác động và các giải pháp thích ứng, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ của nước ngoài...

- Tổ chức nghiên cứu chưa hợp lý. Trong quá trình xây dựng kế hoạch nghiên cứu chưa chú ý đến đối tượng cây rừng có chu kỳ sản xuất dài ngày, đề tài nghiên cứu thường bị gián đoạn, chia cắt. Chưa có sự tham gia của người sử dụng kết quả nghiên cứu trong quá trình xác định nội dung, triển khai thực hiện và đánh giá kết quả nghiên cứu.

- Thiếu động lực cho nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Các chính sách hiện tại chưa thực sự khuyến khích, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, nhất là chính sách đãi ngộ, sử dụng cán bộ nghiên cứu khoa học chưa có sức hấp dẫn cán bộ giỏi làm nghiên cứu lâm nghiệp, hạn chế tính năng động, tự chủ và sáng tạo.

- Cán bộ nghiên cứu thiếu, yếu và chưa đồng bộ, nhất là lực lượng nghiên cứu ở các địa phương và cơ sở; chưa hình thành các tập thể các nhà khoa học theo từng lĩnh vực chuyên môn với các trình độ khác nhau và ít tính kế thừa; khi chuyển sang cơ chế thị trường và lâm nghiệp chuyển hướng sang lâm nghiệp xã hội, đội ngũ cán bộ chưa được trang bị kiến thức và phương pháp tiếp cận phù hợp nên ít nhạy bén và hiệu quả nghiên cứu thấp.

- Sự phối hợp giữa các nhà khoa học, các cơ sở nghiên cứu, giữa nghiên cứu với phổ cập và sản xuất, đào tạo chưa chặt chẽ. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chương trình khoa học công nghệ với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và chương trình phát triển ngành. Hiệu quả kinh tế của các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ chưa được chú ý đúng mức.

- Điều kiện nghiên cứu vừa thiếu vừa lạc hậu. Trang thiết bị thí nghiệm chưa đáp ứng yêu cầu; rừng nghiên cứu, thí nghiệm chưa có quy chế quản lý phù hợp. Kinh phí cho nghiên cứu rất thấp và cách xa yêu cầu.

2. Tổ chức nghiên cứu lâm nghiệp

a) Hệ thống tổ chức nghiên cứu:

Hệ thống các tổ chức nghiên cứu khoa học lâm nghiệp đã hình thành khá đồng bộ, trong đó Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam là tổ chức nghiên cứu chủ yếu, là cơ quan nghiên cứu lâm nghiệp đầu ngành. Đã hình thành một số tổ chức nghiên cứu khoa học lâm nghiệp độc lập thuộc Hội Khoa học kỹ thuật lâm nghiệp Việt Nam và các Trường đại học lâm nghiệp Việt Nam. Nhiều cơ quan, tổ chức có liên quan trong ngành lâm nghiệp cũng đã tham gia nghiên cứu khoa học lâm nghiệp. Tuy nhiên, tiềm năng nghiên cứu, nhất là ở các Vườn quốc gia và các cơ sở lâm nghiệp nhìn chung chưa được phát huy, một số lĩnh vực cần thiết ít được chú ý đầu tư nghiên cứu, các cơ sở sản xuất kinh doanh lâm nghiệp nói chung chưa có đầu tư thoả đáng cho nghiên cứu lâm nghiệp..

- Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam là cơ quan nghiên cứu lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được thành lập vào năm 1961 và tổ chức lại vào năm 1988. Trước năm 1988, trên cơ sở tách ra từ Viện khoa học lâm nghiệp cũ, đã có các tổ chức nghiên cứu khoa học lâm nghiệp hoạt động độc lập là: Viện Lâm nghiệp, Viện Công nghiệp rừng, Viện Kinh tế lâm nghiệp trực thuộc Bộ Lâm nghiệp (và Tổng cục lâm nghiệp).

Chức năng, nhiệm vụ của Viện Khoa học lâm nghiệp hiện nay bao gồm: nghiên cứu khoa học kỹ thuật về lâm sinh, công nghiệp rừng và kinh tế lâm nghiệp phục vụ cho công tác quản lý và sản xuất của Ngành; xây dựng và thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội và khoa học kỹ thuật của ngành; xây dựng quy chế quản lý và các quy trình, quy phạm, định mức, tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật lâm nghiệp; đào tạo cán bộ trên đại học trong lĩnh vực lâm sinh và chế biến lâm sản, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ khoa học kỹ thuật và thực hiện hợp tác quốc tế, dịch vụ tư vấn về khoa học kỹ thuật của ngành.

Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam có Hội đồng Khoa học, các phòng chức năng, các phòng nghiên cứu, các trung tâm nghiên cứu chuyên đề, trung tâm chuyển giao công nghệ và trung tâm vùng với đội ngũ cán bộ khoa học đa ngành, hệ thống các phòng thí nghiệm, nhà xưởng và trên 10.000 ha rừng nghiên cứu thí nghiệm.

Trong những năm qua, ưu thế về nghiên cứu khoa học lâm nghiệp của Viện khoa học lâm nghiệp VN vẫn chủ yếu là những vấn đề về nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về lâm sinh, lâm học. Những vấn đề về công nghiệp rừng và kinh tế quản lý ngành lâm nghiệp chưa được quan tâm nhiều.

- Các tổ chức nghiên cứu khoa học của Trường Đại học lâm nghiệp: Trung tâm môi trường sinh thái ..., Trung tâm Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy (nay là Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy thuộc Tổng công ty giấy Việt Nam), các trung tâm, các viện của Hội khoa học kỹ thuật lâm nghiệp là các tổ chức nghiên cứu khoa học lâm nghiệp về các lĩnh vực khác nhau về lâm nghiệp, đặc biệt là các lĩnh vực về môi trường sinh thái rừng, về quản lý, kinh tế lâm nghiệp.. Các tổ chức này đã thu hút được nhiều cán bộ khoa học kỹ thuật lâm nghiệp đang làm việc tại các cơ quan đơn vị hay đã nghỉ hưu vào nghiên cứu lâm nghiệp khá hiệu quả.

- Tham gia nghiên cứu khoa học lâm nghiệp còn có các đơn vị hoạt động trên các lĩnh vực khác nhau trong ngành lâm nghiệp, như: Viện Điều tra quy hoạch rừng, 3 trung tâm kỹ thuật bảo vệ rừng (thuộc Cục Kiểm lâm). (Kiểm lâm vùng 1 ở Quảng Ninh, vùng 2 ở Thanh Hoá và vùng 3 ở Thành phố Hồ Chí Minh), Các trường trung cấp và trường công nhân kỹ thuật lâm nghiệp, Các Vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên thuộc trung ương và địa phương.

Các cơ sở sự nghiệp thuộc các ngành khác, như các khoa lâm nghiệp của Đại học Nông lâm Thái nguyên, Đại học Nông lâm Huế, Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh, Đại học Tây Nguyên và một số trường khác như Đại học Nông nghiệp I, Đại học Dược Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội... , Các viện nghiên cứu như Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật, Viện nghiên cứu rau quả, Viện Thổ nhưỡng nông hoá, Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn... cũng tham gia nghiên cứu các đề tài và trực tiếp phục vụ các chương trình quốc gia về Lâm nghiệp như Chương trình 327, 661...

- Các cơ sở thuộc khối sản xuất kinh doanh, như: Công ty Giống lâm nghiệp, Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam.. cũng triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu về các lĩnh vực khác nhau, đặc biệt trên các lĩnh vực về giống như: chọn giống, nhân giống, xây dựng vườn giống, rừng giống và nghiên cứu các loài cây cung cấp nguyên liệu giấy.

- Tham gia nghiên cứu khoa học lâm nghiệp còn có các cơ sở ở các địa phương: Nông lâm trường thực nghiệm, Trung tâm khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp, Trung tâm Khuyến nông Khuyến lâm, Lâm trường thực nghiệm... có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ hay phổ cập...

Nhiều tổ chức quốc tế đã quan tâm đến nghiên cứu lâm nghiệp và hỗ trợ, hợp tác với các đối tác trong nước thực hiện nhiều chương trình nghiên cứu lâm nghiệp, điển hình như: FAO, CIFOR, APAFRI, ACIAR, CSIRO, DANIDA, JICA, SIDA, SAREC, UNDP, IUCN, TBI, GTZ...

b) Nguồn lực nghiên cứu:

- Nguồn nhân lực: Trong những năm gần đây, việc đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy ở trong và ngoài nước được tăng cường mạnh mẽ và đội ngũ thạc sĩ, tiến sĩ trẻ trong các cơ quan nghiên cứu, trường đại học tăng lên rõ rệt. Tuy nhiên, cán bộ đầu đàn trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu lâm nghiệp (như: lâm học), vẫn còn thiếu hoặc chưa tự khẳng định mình. Năng lực nghiên cứu của cán bộ trẻ vẫn chưa đồng đều và số cán bộ nghiên cứu giỏi chưa nhiều.

- Trang thiết bị nghiên cứu nhìn chung còn lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực và hoặc so với các lĩnh vực nông nghiệp trong nước. Ngành Lâm nghiệp chưa có phòng thí nghiệm trọng điểm Quốc gia hoặc được đầu tư lớn, tập trung.

c) Cơ chế quản lý nghiên cứu:

- Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ đã có nhiều đổi mới, nhất là sau khi Luật Khoa học và Công nghệ ra đời; việc xác định kế hoạch nghiên cứu đã được chuyển từ hình thức giao nhiệm vụ sang tuyển chọn và đấu thầu công khai, tạo sự cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng giữa các thành phần tham gia nghiên cứu và góp phần nâng cao hiệu quả nghiên cứu. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ 2010 và Nghị định 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ đã đề cập và qui định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học công nghệ công lập.

- Về thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu: Trước 1980, các đề tài được tập hợp thành các chương trình của ngành; từ năm 1981, các chương trình tiến bộ kỹ thuật có mục tiêu được xây dựng theo 2 cấp: Nhà nước và ngành. Ngoài các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước và cấp ngành còn các đề tài độc lập và các nhiệm vụ nghiên cứu

thường xuyên. Thiếu các chương trình nghiên cứu dài hạn phù hợp với đặc thù của ngành lâm nghiệp là cây dài ngày gây khó khăn không nhỏ cho quá trình xây dựng kế hoạch nghiên cứu hàng năm.

- Công tác quản lý nghiên cứu có sự phân công ngày càng rõ hơn giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ chuyên ngành cũng như việc phân cấp giữa các nhiệm vụ cấp Nhà nước, cấp ngành và cấp cơ sở.

- Cơ chế quản lý tài chính trong nghiên cứu chậm được đổi mới, chưa khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ và thu hút tài năng; đặc điểm này càng rõ trong nghiên cứu lâm nghiệp, vì đây là lĩnh vực đặc thù với nhiều khó khăn về địa bàn, thời gian dài và rủi ro lớn.

- Cơ chế kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu... tuy có nhiều cải tiến nhưng vẫn nặng về thủ tục và hình thức.

- Thiếu cơ chế quản lý kết quả nghiên cứu để bảo đảm các kết quả nghiên cứu được sử dụng hiệu quả, thiếu sự phối hợp với mạng lưới khuyến lâm để đưa kết quả nghiên cứu vào sản xuất. Thiếu hệ thống quản lý thông tin để phục vụ các đối tượng khác nhau như nhà quản lý, hoạch định chính sách, các cơ quan nghiên cứu, đào tạo và các cơ sở sản xuất kinh doanh.

3. Mục tiêu, nội dung Chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp tới năm 2020

a) Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát

Nghiên cứu lâm nghiệp nhằm góp phần định hướng phát triển lâm nghiệp, thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển lâm nghiệp và kế hoạch tổng thể nghiên cứu nông nghiệp Việt Nam tới năm 2020; phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam tới năm 2020.

- Mục tiêu cụ thể

- + Định hướng phát triển ngành: Cung cấp cơ sở khoa học định hướng phát triển ngành theo hướng xã hội hoá nghề rừng, đồng thời phát huy chức năng cung cấp hàng hóa và dịch vụ môi trường của rừng.

- + Mục tiêu sản xuất lâm nghiệp và bảo tồn đa dạng sinh học: Nâng cao hiệu quả nghiên cứu, gắn nghiên cứu khoa học với thực tiễn sản xuất, nâng cao tỷ trọng đóng góp của khoa học đối với phát triển của ngành đạt các chỉ tiêu sau:

Nâng cao năng suất rừng tự nhiên lên 1,5 lần cho nhóm cây có giá trị kinh tế;

Phát triển rừng trồng sản xuất với một số loài cây chủ lực có năng suất cao và bền vững (tăng 1,5 - 2 lần);

Bảo vệ và phát huy giá trị phòng hộ của các loại rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn và phòng hộ ven biển.

Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững nguồn đa dạng sinh học, các nguồn gen của rừng, kể cả các nguồn lâm sản ngoài gỗ;

Cải tiến công nghệ đảm bảo khai thác tác động thấp đối với rừng tự nhiên, phát triển công nghệ chế biến gỗ qui mô vừa và nhỏ, đa dạng hoá sử dụng nguồn nguyên liệu.

- + Tăng cường năng lực nghiên cứu:

Tăng cường năng lực nghiên cứu và cải tiến hệ thống tổ chức nghiên cứu, kết hợp nghiên cứu với đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế nhằm đưa trình độ khoa học công nghệ lâm nghiệp đạt ngang tầm các nước trong khu vực. Các mục tiêu cụ thể cần đạt được là: